TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 61/2025/QĐST -HNGĐ	*Tuy An, ngày 25 tháng 6 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 26/2025/TLST/HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025 giữa;

1.Nguyên đơn: Chị Hồng Thị Thu P, sinh năm 1991.

Cư trú: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Chổ ở hiện nay: Khu phố V, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

2.Bị đơn: Anh Phạm Hoài T, sinh năm 1993.

Cư trú: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

3.Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Phú Yên – Phòng giao dịch huyện T.

Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Ngọc H – Chức vụ: Phó giám đốc phòng giao dịch huyện T

- Anh Hồng Phi H, sinh năm 1972,

Cư trú: Khu phố V, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

- Chị Đỗ Thị Kim P, sinh năm 1969.

Cư trú: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

- Chị Huỳnh Thị D, sinh năm 1988.

Cư trú: Thôn B, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 6 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 6 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. **Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Chị Hồng Thị Thu P và anh Phạm Hoài T

2. **Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về con chung: chị Hồng Thị Thu P được tiếp tục trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phạm Nguyên T1, sinh ngày 25/01/2018. Anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở, khi cần thiết các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về khoản nợ chung:

+ Bị đơn anh Phạm Hoài T thỏa thuận tự nguyện cá nhân trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Phú Yên – Phòng giao dịch huyện T số tiền gốc và lãi 8.019.729 đồng; và trả nợ cho chị Huỳnh Thị D 3.819.000 đồng.

Riêng khoản nợ của bà Đỗ Thị Kim P 35.000.000 đồng, (và số vàng 05 chỉ vàng y loại 9999 vợ chồng anh T, chị P mượn của bà Đỗ Thị Kim P); và số tiền 70 triệu đồng của ông Hồng Phi H. Anh T không yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Nguyên đơn chị P đều thống nhất theo sự trả nợ và thỏa thuận của anh T, không có ý kiến gì thêm.

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Phú Yên – Phòng giao dịch huyện T. Người đại diện theo ủy quyền anh Nguyễn Ngọc H thống nhất để cá nhân anh Phạm Hoài T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền 8.019.729 đồng.

2. Anh Hồng Phi H trình bày: Về số tiền 70.000.000 đồng, nay tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Chị Đỗ Thị Kim P trình bày: Về khoản nợ 05 (Năm) chỉ vàng y loại 9999, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Chị Huỳnh Thị D trình bày: Tôi thống nhất để cá nhân anh T trả nợ cho tôi số tiền 3.819.000 đồng.

- Về án phí: Nguyên đơn chị P thỏa thuận chịu 150.000 đồng án phí HNGĐ-ST, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số: 0006687 ngày 03/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Hoàn lại cho chị P 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền nêu trên.

Bị đơn anh T thỏa thuận chịu 295.968 đồng án phí DSST.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS huyện Tuy An;
- VKSND huyện Tuy An;
- UBND xã An Ninh Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Văn Bình